



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 62 + 63

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 94/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022	4
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 376/NQ-HĐND về đơn giá thuê đất đối với đất được nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	7
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 377/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh (đợt 16)	9
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 378/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh	16

02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 379/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, thu hồi, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, 2023, 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	22
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 380/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	39
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 381/NQ-HĐND bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	43
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 382/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất	46
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 383/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất thực hiện dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ	49
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 384/NQ-HĐND về điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất; Hủy bỏ dự án trong danh mục dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua giai đoạn 2014 - 2020 (Đợt 4)	51
02/10/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 385/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án xây dựng đường giao thông trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt 3) năm 2024	99

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2017 ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số 445/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

1. Sửa đổi biểu định mức tại điểm 4.1, khoản 4, Điều 6, như sau:

“Khối trung tâm Y tế dự phòng tỉnh: Định mức 22 triệu đồng/biên chế/năm.”

2. Bổ sung Điều 17a. Định mức phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp y tế, như sau:

“Trung tâm Y tế các huyện, thành phố: Định mức 22 triệu đồng/biên chế/năm.

Trạm y tế xã: Định mức 37 triệu đồng/trạm y tế/năm.

Trạm y tế phường, thị trấn: Định mức 31 triệu đồng/trạm y tế/năm.

- Định mức bao gồm: Các khoản kinh phí khác để thực hiện nhiệm vụ cung cấp y tế dự phòng, chi tiền công lao động; chi hoạt động không thường xuyên; chi quản lý, chi khác, như: điện, nước...

- Định mức không bao gồm: Chi tiền lương và các khoản chế độ, chính sách theo quy định đối với biên chế được giao; phụ cấp đặc thù ngành Y tế theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ ngoài định mức chi khác, như: Kinh phí phun tiêu độc khử trùng, mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý sử dụng hiện hành và các nhiệm vụ theo văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND các tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2024, áp dụng cho

năm ngân sách 2025 và thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 376/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về đơn giá thuê đất đối với đất được nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số 445/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đơn giá thuê đất đối với đất được nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 2, Điều 27 và khoản 2, khoản 3, Điều 28, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, như sau:

1. Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai, được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính theo mức bằng 25% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính theo mức bằng 25% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

2. Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính theo mức bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 377/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh (đợt 16)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số
26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị định số
40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24
tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà
nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của
HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân
sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024; Báo cáo số
445/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025
nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh (đợt 16), như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 70.300 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh giảm 70.300 triệu đồng, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm 8.506 triệu đồng kế hoạch vốn để lại phân bổ chi tiết sau tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh.

+ Điều chỉnh giảm 24.018 triệu đồng kế hoạch vốn giao thực hiện nhiệm vụ Hỗ trợ doanh nghiệp/HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do đến nay chưa có đối tượng hỗ trợ.

+ Điều chỉnh giảm 37.776 triệu đồng kế hoạch vốn giao thực hiện 03 dự án chưa cấp thiết dừng triển khai thực hiện.

- Số vốn điều chỉnh giảm 70.300 triệu đồng phân bổ cho 05 dự án đầu tư công khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ năm 2024 tại Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 377/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng													
TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		TMDT	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021 - 2025		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh được duyệt		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
I	Tổng số				131.076	118.076	80.300	85.430	70.300	70.300	85.430		
I.1	Điều chỉnh giảm				50.776	37.776		85.430	70.300		15.130		
I.1	Để lại phân bổ chi tiết sau							8.506	8.506				
I.2	Hỗ trợ doanh nghiệp/KTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn							39.148	24.018		15.130		
I.3	Thực hiện dự án				50.776	37.776		37.776	37.776				
*	Giao thông				23.000	10.000		10.000	10.000				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án	TMDT		Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021 - 2025		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh được duyệt	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
		Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Tổng số	10.000	10.000	-	
1	Đường giao thông liên xã từ bản Ưông, xã Mường Men qua bản Đá Mái, xã Tô Múa - bản Pù Hiêng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1687 12/7/2021	23.000	10.000	-	-	12.800	10.000	10.000	-	
*	Văn hoá Thông tin			12.800	12.800	-	-	12.800	12.800	12.800	-	
2	Hệ thống thông tin tương tác với người dân trong đó thị trường minh tích hợp với chính quyền điện tử tỉnh Sơn La	Sở Thông tin - Truyền thông	1685 12/7/2021	12.800	12.800	-	-	12.800	12.800	12.800	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án	TMDT		Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021 - 2025	Phương án điều chỉnh				Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh được duyệt	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
An ninh trật tự an toàn xã hội					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo		
					14.976	14.976		14.976			
3	Cơ sở làm việc Công an các phường Quyết Tâm, Chiềng Lè	Công an tỉnh Sơn La	1916 11/8/2021		14.976	14.976		14.976			
II	Điều chỉnh tăng				80.300	80.300				70.300	
*	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản				56.000	56.000				46.000	
1	Dự án khắc phục ngập úng bản Phiêng Ngà, xã Chiềng Đen, Thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1883 11/9/2024		41.000	41.000				31.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021 - 2025		Phương án điều chỉnh				Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
							TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo			
2	Dự án di dời dân ra khỏi vùng sạt lở bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	1883 11/9/2024	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000		
*	Giao thông			24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300		Địa điểm thực hiện dự án Tuyến ĐT.108 (Thuận Châu - Co Mạ - Mường Bám)
3	Xây dựng cầu bản Nhộc (Km 5 + 017 ĐT108)	Sở Giao thông, Vận tải	1883 11/9/2024	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021 - 2025		Phương án điều chỉnh				Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh được duyệt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
							Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh				
4	Cầu qua suối bản Mé xã Chiềng Chung huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1883 11/9/2024	3.000	3.000	3.000	3.000		3.000	3.000		
5	Khắc phục sạt lở ĐT.112 đoạn Km 13 + 258 - Km 13 + 435	Sở Giao thông, Vận tải	1883 11/9/2024	14.900	14.900	14.900	14.900		14.900	14.900		Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tà Xùa, Huyện Bắc Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 378/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch
đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024; Báo cáo số
445/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn
ngân sách tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn bổ sung cân đối ngân
sách tỉnh

1.1. Tổng vốn điều chỉnh: 25.186 triệu đồng.

1.2. Phương án điều chỉnh: Điều chỉnh giảm 25.186 triệu đồng của 04 dự
án chậm tiến độ không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn giao chủ đầu tư đề
nghị thu hồi; Số vốn điều chỉnh giảm 25.186 triệu đồng phân bổ thực hiện 02 dự
án chuyển tiếp có nhu cầu bổ sung vốn có khả năng hoàn thành giải ngân kế
hoạch vốn giao và 01 dự án khởi công mới đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn thu tiền sử dụng đất
ngân sách tỉnh

2.1. Tổng vốn phân bổ: 18.600 triệu đồng.

2.2. Phương án phân bổ: Phân bổ chi tiết 18.600 triệu đồng cho 04 dự án sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh.

(chi tiết tại Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 31/8/2024	Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
				Tổng số	TĐ: NST								Tổng số			Tỷ lệ
	TỔNG SỐ			634.644	440.984	329.716	407.406	134.984	51.883		83.101	25.186	25.186	134.984		
I	Điều chỉnh giảm			347.706	154.046	196.316	251.939	65.454	4.420		61.034	25.186		40.268		
I.1	Đổi ứng thực hiện dự án ODA			267.987	85.646	185.000	204.050	25.242	936		24.306	3.423		21.819		
1	Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” Dự án Thành phần tỉnh Sơn La	Sở Y tế	773 QĐ-UBND 02/4/2019	267.987	85.646	185.000	204.050	25.242	936	7%	24.306	3.423		21.819		
I.2	Thực hiện dự án			79.719	68.400	11.316	47.889	40.212	3.484		36.728	21.763		18.449		
1	Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1091 31/5/2021	61.319	50.000	4.656	29.489	24.899	66	4%	24.833	14.000		10.899		
2	Khu di tích lịch sử Góc me nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn	2782-15/11/2021	14.400	14.400	2.960	14.400	12.513	1.073	9%	11.440	7.463		5.050		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2024				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số TB: NST			Kế hoạch vốn giao	Tổng số	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
3	Trạm y tế xã Cò Nòi	UBND huyện Mai Sơn	2365 10/11/2022	4.000	4.000	3.700	4.000	2.800	2.345	455	455	300		2.500	
II	Điều chỉnh tăng														
II.1	Thực hiện dự án			286.938	286.938	133.400	155.467	69.530	47.463	-	22.067	-	25.186	94.716	
1	Đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc công an các huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La	Công an tỉnh	276 NQ-HĐND 12/5/2021; 2417 18/11/2022	268.065	268.065	130.245	152.230	67.530	45.545	67%	21.985		20.000	87.530	
2	Trạm y tế xã Chiềng Chăn	UBND huyện Mai Sơn	1870 21/9/2023	4.000	4.000	3.155	3.237	2.000	1.918	96%	82		186	2.186	
3	Dự án Đầu tư xây dựng nhà bán trú Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Nhà Khoang, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp	1886 11/9/2024	14.873	14.873								5.000	5.000	

Biểu số 02
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TĐ: Đã giao đến ngày 20/9/2024		
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh						
	TỔNG SỐ			1.952.947	549.780	1.724.146	1.788.746	315.321	151.120	18.600	
*	Giao thông			400.380	400.380	310.179	310.179	205.921	115.720	8.500	
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tuyến đường quốc lộ 6 (đoạn tránh thành phố Sơn La)	UBND thành phố, UBND huyện Mai Sơn	77 04/4/2018	240.380	240.380	226.986	226.986	75.921	62.527	3.500	
2	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1051 30/5/2021; 2734 09/11/2021; 1426 04/8/2023	160.000	160.000	83.193	83.193	130.000	53.193	5.000	
*	Y tế dân số và gia đình			1.543.167	140.000	1.413.967	1.478.567	100.000	35.400	8.220	
1	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế	2832 01/11/2017	1.543.167	140.000	1.413.967	1.478.567	100.000	35.400	8.220	
*	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước			9.400	9.400	-	-	9.400	-	1.880	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Luỹ kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Luỹ kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Ngân sách tỉnh			Tổng số	TĐ: Đã giao đến ngày 20/9/2024		
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Công, huyện Mường La	UBND huyện Mường La	1962 20/9/024	9.400	9.400			9.400		1.880	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 379/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, thu hồi, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, 2023, 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra số 657/BC-DT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, thu hồi, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.1. Tổng số vốn điều chỉnh, thu hồi: 91.578 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã giao cho các dự án thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 và Dự án 6 do giảm quy mô, không sử dụng hết mức vốn trung ương hỗ trợ: 4.819 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã giao cho 02 dự án của huyện Thuận Châu thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 do huyện đề nghị dừng thực hiện, điều chỉnh tuyến: 20.640 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm số vốn chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 291/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024, Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh: 62.279 triệu đồng (*gồm 5.808 triệu đồng thu hồi từ các dự án thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4; 56.471 triệu đồng thu hồi từ Tiểu dự án 2, Dự án 10*).

- Điều chỉnh giảm do điều chỉnh thông tin về quy mô, tổng mức đầu tư 01 dự án thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4: 3.840 triệu đồng.

1.2. Phân bổ chi tiết số kế hoạch vốn thu hồi, điều chỉnh

a) Phân bổ chi tiết thực hiện 05 dự án cứng hoá đường giao thông đến trung tâm xã thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4: 44.538 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án đường liên bản Nà Tra - Pá Chóng - Bôm Kham đến trung tâm xã Mường Bám, huyện Thuận Châu: 10.240 triệu đồng.

(2) Dự án đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phông Lập, huyện Thuận Châu: 4.800 triệu đồng.

(3) Dự án đường giao thông bản Hua Piêng đi trung tâm xã Nậm Păm, huyện Mường La: 10.560 triệu đồng.

(4) Dự án đường giao thông từ bản Pá Hậu đến trung tâm xã Chiềng Lao, huyện Mường La: 15.040 triệu đồng.

(5) Dự án cứng hóa đường giao thông từ bản Tông Cầu (*bản Suối Tàu cũ*) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên: 3.898 triệu đồng.

b) Số vốn điều chỉnh giảm, để lại phân bổ chi tiết sau: 47.041 triệu đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2.1. Danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn đã phê duyệt:

- Tên dự án: Sản xuất sản phẩm OCOP từ tre gắn với phát triển vùng nguyên liệu, chế biến tre bền vững tại xã Nà Ốt, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Mai Sơn.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách trung ương đã giao: 15.000 triệu đồng (*phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Sơn La*).

2.2. Danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh:

- Tên dự án: “Sản xuất sản phẩm OCOP từ táo Sơn Tra gắn với phát triển vùng nguyên liệu, hình thành liên kết chuỗi giá trị bền vững cho sản phẩm táo Sơn Tra”.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Thuận Châu.
- Địa điểm: Xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.
- Quy mô dự án: Xây dựng nhà xưởng sơ chế, chế biến, khu vực trưng bày, giới thiệu sản phẩm và văn phòng; thiết bị; phát triển vùng nguyên liệu bền vững và các hạng mục phụ trợ khác.
- Tổng mức đầu tư: khoảng 25.300 triệu đồng (*nguồn ngân sách trung ương thực hiện mô hình điểm: 15.000 triệu đồng*).

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, 2023, 2024 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng số vốn điều chỉnh 9.359,546 triệu đồng, trong đó: Năm 2022 được kéo dài sang năm 2024: 2.338,500 triệu đồng; năm 2023 được kéo dài sang năm 2024: 1.973,756 triệu đồng; năm 2024: 5.047,290 triệu đồng. Cụ thể:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2024:

- Điều chỉnh giảm 2.338,500 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 được chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện Dự án 1 đã giao cho các huyện Mộc Châu, Thuận Châu, Mai Sơn tại Nghị quyết 221/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của HĐND tỉnh.

- Số vốn thu hồi 2.338,500 triệu đồng đề nghị phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*huyện Mộc Châu 1.217,5 triệu đồng; huyện Mai Sơn 480 triệu đồng*); Dự án 9 (*Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn 641 triệu đồng*).

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 được kéo dài sang năm 2024:

- Điều chỉnh giảm 1.973,756 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 được chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện Dự án 1 đã giao cho các huyện Vân Hồ, Thuận Châu, Mai Sơn và Tiểu dự án 1, Dự án 9 đã giao huyện Quỳnh Nhai tại Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của HĐND tỉnh.

- Số vốn thu hồi 1.973,756 triệu đồng đề nghị phân bổ thực hiện Dự án 1 (*huyện Quỳnh Nhai 272,256 triệu đồng*); Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*huyện Vân Hồ 24,476 triệu đồng; huyện Quỳnh Nhai 366,386 triệu đồng; huyện Mai Sơn 1.282,249 triệu đồng*); Dự án 9 (*Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn 27,889 triệu đồng*).

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024:

- Điều chỉnh giảm 5.047,290 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 thực hiện Dự án 1 đã giao cho các huyện Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ; Dự án 2

đã giao cho các huyện Vân Hồ, Quỳnh Nhai; Tiểu dự án 1, Dự án 5 đã giao cho huyện Thuận Châu; Tiểu dự án 1, Dự án 9 đã giao cho huyện Quỳnh Nhai tại Nghị quyết số 254/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh.

- Số vốn thu hồi 5.047,290 triệu đồng đề nghị phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*huyện Mai Sơn 1.313,1 triệu đồng; huyện Mộc Châu 1.860 triệu đồng; huyện Thuận Châu 100,887 triệu đồng; huyện Vân Hồ 810,995 triệu đồng; huyện Quỳnh Nhai 403,032 triệu đồng*); Dự án 6 (*huyện Quỳnh Nhai 559,276 triệu đồng*).

(chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi ba thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI, PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án								Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giải đoạn 2021-2025			Ghi chú					
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh	
			Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	TỔNG SỐ										629.970	194.790	272.069	715.479	272.069	272.069	106.578	106.578	272.069
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI										629.970	194.790	257.069	690.179	257.069	257.069	91.578	91.578	257.069
I	ĐIỀU CHỈNH GIÁM TÔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 214/NQ-HĐND NGÀY 20/7/2023; NGHỊ QUYẾT SỐ 230/NQ-HĐND NGÀY 04/10/2023; NGHỊ QUYẾT SỐ 325/NQ-HĐND NGÀY 16/5/2024; NGHỊ QUYẾT SỐ 291/NQ-HĐND NGÀY 31/01/2024; NGHỊ QUYẾT SỐ 189/NQ-HĐND NGÀY 02/6/2023 (TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4 VÀ DỰ ÁN 6)										592.990	160.230	155.411	588.009	155.411	160.230	4.819	-	155.411
1	Đường giao thông xã Chiềng Dong - Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn (Theo NQ số 214/NQ-HĐND ngày 20/7/2023)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT							28,1 Km GTNT B	28,02 Km GTNT B	135.180	44.960	44.832	134.900	44.832	44.960	128		44.832

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án								Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú				
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
2	Đường giao thông liên xã bản Khưa - Suối Đon, xã Chiềng Khưa đến bản Pha Đôn, A Mả xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu (Theo NQ số 214/NQ- HĐND ngày 20/7/2023)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT					15,5 km GTNT cấp B	15,05 km GTNT cấp B	72.000	24.800	71.280	24.080	24.800	720		24.080		
3	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phái) - xã Chiềng Khay (bản Nà Mùn) huyện Quỳnh Nhai (Theo NQ số 214/NQ- HĐND ngày 20/7/2023)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT					18,9 km cấp VI miền núi	Đường cấp VI, L=18,22Km	184.330	30.240	183.242	29.152	30.240	1.088		29.152		
4	Đường giao thông từ bản Hua Chiến, xã Chiềng Mùn đến đập thủy điện Nậm Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La (Theo NQ số 214/NQ- HĐND ngày 20/7/2023)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT					18,5 km GTNT cấp B	17,5 km GTNT cấp B	152.350	29.600	150.750	28.000	29.600	1.600		28.000		

STT	Danh mục dự án	Chỉ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án										Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn			Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
			Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
5	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Cà Nàng (đoạn từ bản Ít Phay đến bản Huổi Suông) Theo NQ số 230/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 và số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024;	UBND huyện Quỳnh Nhai							Đường cấp B, L=5 Km	Đường cấp B, L=481 Km	13.000	8.000	12.696	304	7.696	7.696
6	Cứng hóa đường liên xã từ bản Giáp Đát đến trung tâm xã Mường Thai huyện Phú Yên (NQ số 291/NQ-HĐND ngày 31/01/2024)	UBND huyện Phú Yên							Đường cấp B, L=6,1Km	Đường cấp B, L=6,02Km	21.000	9.760	20.872	128	9.632	9.632
7	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (Đoạn từ bản Cỏ Nọi đến bản Khẩu Pùm) (NQ số 245/NQ-HĐND ngày 15/11/2023 và số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024)	UBND huyện Quỳnh Nhai							Đường cấp B, L=1,65 Km	Đường cấp B, L=1,51 Km	4.900	2.640	4.667	224	2.416	2.416

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án								Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																						
			Danh mục dự án đã được phê duyệt		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn																																																																																																																																																																																																																																																																									
											Đã được phê duyệt		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung		Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn đã giao																																																																																																																																																																																																																																																																			
																		Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ																																																																																																																																																																																																																																																															
Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt					Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án										Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn đã giao		Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	10.400	10.400	10.400				
			núi với đường dài đường TL108 (Chiềng Bôm) - Mường Chanh tại điểm trường tiểu học, Mầm non bản Xanh, xã Nậm Lầu.			5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM													
2	Đường từ bản Lầu Nong đi trung tâm xã Nậm Lầu	UBND huyện Thuận Châu		Điểm đầu: bản Lầu Nong, xã Nậm Lầu (sáp nhập từ bản Nậm Lầu và bản Nong), Đầu cuối:	2023 - 2025	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380 : 2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết		10.500	10.400				10.400	10.400					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án										Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú				
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn đã giao		Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh	
Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện điều chỉnh	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng						
III	ĐIỀU CHỈNH GIÁM SÁT CÁC NGHỊ QUYẾT																			
1	Tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 31/01/2024																			
2	Tại Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024																			
3	Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024																			
IV	ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO ĐÀ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 245/NQ-HĐND																			
1	Củng hóa đường giao thông từ bản Nà Chôm đến trung tâm xã Mường Sốp	UBND huyện Sốp	Củng hóa đường giao thông từ bản Nà Chôm	Điểm đầu ban Nà Chôm;	Điểm đầu ban Huội Lương; điểm	2023 - 2025	2024 - 2025	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT	Xây dựng đạt tiêu chuẩn GTNT cấp B											

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án										Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú							
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn			Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh						
											Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung		Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
			Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng						
	Lèo, huyện Sốp Cộp	Cộp	bản Nà Chồm đến trung tâm xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp (Km 18 + 600m đến Km 12 + 300m)	Luông xã Mường Lèo đến trung tâm xã Mường Lèo	điểm cuối Trung tâm xã Mường Lèo	điểm cuối Trung tâm xã Mường Lèo			cấp B (TCVN10380:2014); chiều dài tuyến L=6,3Km; Bề mặt = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m)	(TCVN10380:2014); Chiều dài tuyến L=6,3Km; Bề mặt = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m)													
V	PHÂN BỐ NGUỒN VỐN DƯ SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỦA TIÊU DỰ' ÁN 1, DỰ ÁN 4																			-	91.578	91.578	
1	Đường giao thông bản Hua Piêng đi trung tâm xã Năm Păm	UBND huyện Mường La				Điểm đầu: bản Hua Piêng đi qua bản Huổi Sỏi - Nà Ten và bản Piêng; điểm cuối tại km8+800m, ĐT109 (bản Piêng), Xã Năm Păm, huyện Mường La		2024 - 2025						88.670	91.578		10.560	10.560					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án										Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn			Kế hoạch vốn đã giao			Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
											Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư		Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh giảm	
			Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Dự kiến tổng mức đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
2	Củng hóa đường giao thông từ bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên	UBND huyện Phù Yên				Điểm đầu bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cũ), điểm cuối trung tâm xã Mường Thái		2024-2025		Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380:2014), Chiều dài tuyến L=2,436 Km, mặt đường BTXM			7.000	3.898	3.898			3.898	
3	Đường giao thông từ bản Pá Hậu đến trung tâm xã Chiềng La	UBND huyện Mường La				Điểm đầu: bản Pá Hậu (bản Huổi hậu sát nhập với bản Pá Sóng cũ); Điểm cuối: bản Xu Săm, xã Chiềng La, huyện Mường La		2024-2025		Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380:2014), Chiều dài tuyến L=9,4 Km, mặt đường BTXM			41.830	15.040	15.040			15.040	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án										Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú				
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn đã giao		Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh	
			Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
4	Đường liên bản Nà Tra - Pá Chông - Bóm Kham đến trung tâm xã Mường Bám, huyện Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu		Đường liên bản Nà Tra - Pá Chông - Bóm Kham đến trung tâm xã Mường Bám, huyện Thuận Châu		Đầu tuyến: Bản Nà Tra; Điểm trung gian: Đi qua bản Pá Chông, bản Bóm Kham; Điểm cuối: Nối với đường TLL108 tại bản Nà La, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu.	2024 - 2025			Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380 : 2014); Chiều dài tuyến L=6,4 Km; Bề rộng = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM			12.040	10.240	10.240			10.240		
5	Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phòng Lấp, huyện Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu		Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phòng Lấp, huyện Thuận Châu		Điểm đầu bản Ta Tú, xã Phòng Lấp Điểm cuối: Nối với đường Long	2024 - 2025			Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380 : 2014); Chiều dài tuyến khoảng L=5 Km; Bề rộng =			6.000	4.800	4.800			4.800		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án								Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú				
			Danh mục dự án đã được phê duyệt		Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt		Thời gian thực hiện đã được phê duyệt		Quy mô đầu tư đã được phê duyệt		Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn						
													Đã được phê duyệt			Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	
6	Chưa phân bổ chi tiết																47,041	47,041	
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI																	25,300	15,000
I	ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT 189/NQ-HĐND																		15,000
1	Sản xuất sản phẩm OCOP từ tre gắn với phát triển vùng nguyên liệu, chế biến tre bền vững tại xã Nà Ót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn																15,000	
II	DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN ĐIỀU CHỈNH																		
1	Sản xuất sản phẩm OCOP từ táo Sơn Tra gắn với phát triển vùng nguyên liệu, hình thành liên kết chuỗi giá trị bền vững cho	UBND huyện Thuận Châu			Xã Long Hè, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La			2024 - 2025			Xây dựng nhà xưởng sơ chế, chế biến, khu vực trung bày, gói thiêu sản						25,300	15,000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án								Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú				
			Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn					Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
			Danh mục dự án đã được phê duyệt	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Trong đó: Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	Sản phẩm gạo Sơn Tra																		

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022, NĂM 2023, 2024 THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục cấp 1	Tổng số vốn đầu tư		Phương án điều chỉnh																Ghi chú	
		Đầu tư chính	Đầu tư khác	Dự án 1: Giải quyết tình trạng đói ăn, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 2: Quy hoạch, cấp điện, hệ thống điện lực và năng lượng tái tạo				Dự án 3: Phát triển giao thông vận tải, du lịch, công nghiệp và thương mại				Dự án 4: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, truyền thống và phát triển du lịch					Dự án 5: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, truyền thống và phát triển du lịch (nếu có)
				Kế hoạch vốn đầu tư	Đầu tư chính	Đầu tư khác	Kế hoạch vốn đầu tư	Đầu tư chính	Đầu tư khác	Kế hoạch vốn đầu tư	Đầu tư chính	Đầu tư khác	Kế hoạch vốn đầu tư	Đầu tư chính	Đầu tư khác	Kế hoạch vốn đầu tư	Đầu tư chính	Đầu tư khác			
		3.935.546	4.335.546	29.065.547	7.067.209	272.756	22.812.094	4.547.000	706.213	3.860.787	182.488.128	7.858.625	190.546.523	1.929.951	1.929.951	3.188.245	146.227	668.889	32.17.992	-	
I	Năm 2022 kết thúc năm 2024	2.338.500	2.338.500	3.053.500	2.338.500	-	720.000	-	-	1.937.500	232.111	-	1.937.500	1.929.951	1.929.951	-	-	641.000	641.000	-	
*	Cấp tỉnh quản lý	-	641.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	641.000	641.000	-	
1	Ban QLDA ĐTDĐ các công trình NN-PTNT	-	64.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	64.000	64.000	-	
	Đường giao thông từ khu vực đến khu vực	-	64.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	64.000	64.000	-	
*	Cấp huyện quản lý	2.338.500	1.957.500	3.053.500	2.338.500	-	720.000	-	-	1.937.500	232.111	-	1.937.500	1.929.951	1.929.951	-	-	641.000	641.000	-	
1	Huyện Mộc Châu	1.217.500	1.217.500	1.217.500	1.217.500	-	-	-	-	-	-	-	1.217.500	1.217.500	1.217.500	-	-	-	-	-	
2	Huyện Thuận Châu	641.000	-	641.000	641.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Huyện Mai Sơn	480.000	480.000	1.200.000	480.000	-	720.000	-	-	-	232.111	-	480.000	712.111	712.111	-	-	-	-	-	
II	Năm 2022 kết thúc năm 2024	1.957.500	1.957.500	1.655.047	1.394.614	272.756	561.089	-	-	1.673.111	6.357.017	-	8.090.128	8.090.128	8.090.128	771.245	638.142	27.889	139.992	-	
*	Cấp tỉnh quản lý	-	27.889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.889	27.889	-	
1	Ban QLDA ĐTDĐ các công trình NN-PTNT	-	27.889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.889	27.889	-	

[illegible]

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 380/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án nhà nước
thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số
446/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 06 công trình, dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện năm 2024 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương công trình giao thông (Khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai): 01 dự án, diện tích đất thu hồi 205.523 m².

2. Dự án xây dựng trường mầm non, khu dân cư mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị và nông thôn (Khoản 16, khoản 27 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2024): 03 dự án, diện tích đất thu hồi: 31.578 m².

3. Dự án xây dựng cơ sở y tế, cơ sở dịch vụ xã hội được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động (Khoản 15 Điều 79 Luật Đất đai): 01 dự án, diện tích đất thu hồi 2.000 m².

4. Dự án tái định cư (khoản 21 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2024): 01 dự án, diện tích đất thu hồi: 19.000 m².

(có 01 Biểu kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO ĐIỀU 79 LUẬT ĐẤT ĐAI 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)								Phân theo Điều 79 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		Số tiền (Triệu đồng)	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất					Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD, đất rừng SX)
				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng		Đất chưa có rừng			
	SÔNG MÁ														
1	Cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bản Tiên Chung, xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Xã Mường Sai, huyện Sông Mã	7.378	7.378								Khoản 27	33/NQ-HĐND ngày 19/6/2023 của HĐND huyện Sông Mã	Ngân sách huyện	8.000
	THUẬN CHÁU														
2	Trạm y tế xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	2.000	1.700							300	Khoản 15	1661/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Cản đối Ngân sách tỉnh và Ngân sách huyện	7.500
	MỘC CHÁU														
3	Đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đon, A Má xã Lóng Sập	Xã Chiềng Khừa, xã Lóng Sập	205.523	842,7	16.000	3.987				4.078	180.615,3	Khoản 1	2520/QĐ-UBND ngày 25/11/2023 của UBND tỉnh; - Chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022;	Vốn ngân sách nhà nước (TW và địa phương) thực hiện CTMTQG - phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi GDP từ năm 2021 - 2025	71.280

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)								Phân theo Điều 79 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		Số tiền (Triệu đồng)		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD, đất rừng SX)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư		Nguồn vốn	
				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng						Đất chưa có rừng
												214/NQ-HĐND ngày 20/7/2024 của HĐND tỉnh Sơn La				
	THÀNH PHỐ															
4	Dự án Mở rộng Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (tạo mặt bằng thực hiện dự án trường mầm non Quyết Thắng)	Phường Quyết Thắng thành phố Sơn La	18.000	12.500							5.500	Khoản 16, Khoản 27	207/NQ-HĐND ngày 23/7/2024; 133/NQ-HĐND ngày 7/7/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố	31.000	
4	Dự án Mở rộng Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (tạo mặt bằng thực hiện dự án trường mầm non Quyết Thắng)	Phường Quyết Thắng thành phố Sơn La	18.000	12.500							5.500	Khoản 16, Khoản 27	207/NQ-HĐND ngày 23/7/2024; 133/NQ-HĐND ngày 7/7/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố	31.000	
5	Dự án di dời dân ra khỏi vùng sạt lở bản Co Phung, xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La, thành phố Sơn La	19.000	19.000								Khoản 21	217/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố Nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	14.800	
6	Dự án Hạ tầng khu dân cư tiếp giáp tuyến đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Coi, thành phố Sơn La	6.200	200							6.000	Khoản 27	216/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố	1.800	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 381/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa,
đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số
446/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024, Báo cáo thẩm tra số 882/BC-KTNS
ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận
của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa
(đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên) 37.870,4 m², đất trồng lúa còn lại 19.842,7 m², đất
rừng phòng hộ (có rừng) 16.000 m², đất rừng phòng hộ (chưa có rừng) 3.987 m²,
đất rừng sản xuất (chưa có rừng) 4.078 m² để thực hiện 08 dự án trên địa bàn các
huyện: Phù Yên, Sông Mã, Thuận Châu, Mộc Châu và thành phố Sơn La.

(có 01 Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu
HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông
qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 122 LUẬT ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Phân theo các loại đất (m2)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện	
			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng Đặc dụng	Đất rừng sản xuất				
				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
	PHÙ YÊN										
1	Trường THCS, THPT chất lượng cao Bình Minh tại Phù Yên	Xã Quang Huy	11.092,4	11.092,4					DGD	1537/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Doanh nghiệp
	SÔNG MÃ										
2	Cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bản Tiên Chung, xã Mường Sái, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Xã Mường Sái, huyện Sông Mã	7.378	7.378					ONT	33/NQ-HĐND ngày 19/6/2023 của HĐND huyện Sông Mã	Ngân sách huyện
	THUẬN CHÁU										
3	Trạm y tế xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	1.700	1.700					DYT	1661/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Cán đổi Ngân sách tỉnh và Ngân sách huyện
4	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sỏi, xã Chiềng Ngàn	Xã Chiềng Ngàn	5.000	5000					ONT	285/NQ-HĐND ngày 31/01/2024	Bổ sung cân đối Ngân sách tỉnh
	MỘC CHÁU										
5	Đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã Bản Khưa - Suối Đon, xã Chiềng Khưa đến bản Pha Đôn, A Mả xã Long Sập	Xã Chiềng Khưa, xã Long Sập	24.907,7	842,7	16.000	3.987		4.078	DGT	2520/QĐ-UBND ngày 25/11/2023 của UBND tỉnh; - Chủ trương đầu tư	Vốn ngân sách nhà nước (TƯ và địa phương) thực hiện CTMTQG

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Phân theo các loại đất (m2)								Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện		
			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng Đặc dụng		Đất rừng sản xuất		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
				Đất chuyển trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng				Đất chưa có rừng
												theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; 214/NQ-HĐND ngày 20/7/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi GDP từ năm 2021 - 2025	
	THÀNH PHỐ													
6	Dự án Mở rộng Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (tạo mặt bằng thực hiện dự án trường mầm non Quyết Thắng)	Phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	12.500	12.500								133/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND thành phố Sơn La; 207/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố	
7	Dự án di dời dân ra khỏi vùng sạt lở bản Co Phung, xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La, thành phố Sơn La	19.000	19.000								217/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố (Nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác)	
8	Dự án Hạ tầng khu dân cư tiếp giáp tuyến đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	200	200								216/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 382/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 ngày 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số 446/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện đối với 04 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất (có 01 Biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, THỜI GIAN THỰC HIỆN, THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 382/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)				Diện tích, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Điều chỉnh thông tin khác (điều chỉnh tên dự án)	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	Nguồn vốn	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất rừng sản xuất		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐD)						
					Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng							
1	Thủy điện Suối Lèo	Xã Mường Cơi, xã Tân Lãng	282 NQ-HĐND ngày 19/12/2023	124.220	22.930							21.972,4	3.654,2		98.589,7	1316/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Doanh nghiệp
2	Dự án Bảo vệ, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Suối Tề, bản Bào, xã Mường Phông, huyện Phù Yên	Xã Mường Phông	211 NQ-HĐND ngày 07/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	42.744,1									14.456,6		28.287,5	930/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND huyện Phù Yên	Ngân sách tỉnh và huyện
	VĂN HỒ																
3	Dự án tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (đường giao thông + cơ sở hạ tầng khác)	Xã Chiềng Khoa, Mường Mên, Chiềng Yên	149/NQHĐND ngày 08/12/2022	3.733.000	80.000							81.481	262.400	783.743	841.300	299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HDND tính thông qua (m2)				Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Điều chỉnh thông tin khác (điều chỉnh tên dự án)	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung;	Nguồn vốn		
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Trong đó			Trong đó			Diện tích đất thu hồi (m2)	Đất trồng lúa						Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	
				Đất trồng lúa	Đất rừng PH	Đất rừng sản xuất	Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất chưa có rừng		Đất có rừng							
4	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sỏi, xã Chiềng Ngăm	Xã Chiềng Ngăm	51/NQ-HDND ngày 08/12/2021	60.000											285/NQ-HDND ngày 31/01/2024	Bổ sung cân đối Ngân sách tỉnh		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 383/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất thực hiện dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 192/Tr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số 446/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất thực hiện đối với 03 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ.

(có 01 Biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CỦA DỰ ÁN
CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)						Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMBSĐ đất	Tổng DT cho phép	Trong đó				Diện tích (m2)	Trong đó						
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất rừng DD		Đất trồng lúa		Đất rừng PH		
					Đất chuyển trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất có rừng còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chuyển trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất có rừng còn lại	Đất có rừng		Đất chưa có rừng
	PHÙ YẾN														Nguồn vốn	
1	Thủy điện Suối Lèo	Xã Mường Cơi, xã Tân Lang	282/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	22.930	22.930			25.626,6	21.972,4	3.654,2				1316/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Doanh nghiệp	
2	Dự án Bổ trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo, xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Xã Tường Phong	211/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	14.265				14.465,6						930/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND huyện Phù Yên	Ngân sách tỉnh và huyện	
	VĂN HỒ															
3	Dự án tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (đường giao thông + cơ sở hạ tầng khác)	Xã Chiềng Khoa, Mường Mên, Chiềng Yên	151/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	80.000	80.000	80.000		1.968.924	81.481		262.400	783.743	841.300	299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La; 372/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh Sơn La;	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 384/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất;
Hủy bỏ dự án trong danh mục dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép
chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua
giai đoạn 2014 - 2020 (Đợt 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 ngày 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2024, Báo cáo số
446/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
882/BC-KTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất;
Hủy bỏ dự án trong danh mục dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục
đích sử dụng đất tại các Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua giai đoạn 2014 - 2020
(Đợt 4), như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất dự án thực hiện theo các Nghị
quyết HĐND tỉnh. Trong đó:

- Điều chỉnh bổ sung diện tích đối với 08 dự án (có Biểu số 01 kèm theo)
- Điều chỉnh giảm diện tích đối với 41 dự án (có Biểu số 02 kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung diện tích cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án theo các Nghị
quyết HĐND tỉnh.

Trong đó:

- Điều chỉnh bổ sung diện tích đối với 11 dự án (có Biểu số 03 kèm theo)

- Điều chỉnh giảm diện tích đối với 15 dự án (có Biểu số 04 kèm theo)

3. Hủy bỏ 01 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất, do không thực hiện dự án đầu tư.

(có Biểu số 05 kèm theo).

4. Hủy bỏ 128 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua dự án nhà nước thu hồi đất, do thực hiện đầu tư trên diện tích hiện có, không thu hồi đất.

(có Biểu số 06 kèm theo).

5. Hủy bỏ 03 dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, do không thực hiện dự án đầu tư.

(có Biểu số 07 kèm theo).

6. Hủy bỏ 23 dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, do thực hiện đầu tư trên diện tích hiện có, không chuyển mục đích sử dụng đất.

(có Biểu số 08 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH THEO CÁC NGHỊ QUYẾT
CỦA HĐND TỈNH THÔNG QUA DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)			
				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
					Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
					Đất trồng lúa		
	Huyện Vân Hồ						
1	Đường QL 6 - Suối Lìn - Chiềng Khoa	Xã Vân Hồ, xã Chiềng Khoa	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	100.000	6.000		94.000
2	Dự án sắp xếp dân cư do sạt lở tại bản Tầu Dầu + Co Hó, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khùa	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	30.000	-	-	30.000
3	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tự do, rừng đặc dụng bản A Lang, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ.	Xã Tân Xuân	193/NQ-HĐND ngày 18/4/2020	40.000	7.000		33.000
	Huyện Phù Yên						
4	Đường từ xã Nam Phong (bản Suối Vè) đến xã Mường Bang (bản Hang Trùng)	Xã Nam Phong, Mường Bang	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	173.500,0	173.500,0		
5	Mở rộng khu đô thị. Công viên 2/9, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	138/NQ-HĐND ngày	78.000,0	70.000,0		8.000,0

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)			
				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó		
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
							Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)
			10/12/2015; 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				
6	Trường phổ thông dân tộc nội trú, xã Huy Thượng	Xã Huy Thượng	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	30.000,0			30.000,0
7	Bến xe khách huyện Phù Yên (phía Nam thị trấn)	Xã Huy Hạ	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	10.400,0	10.400,0		
8	Dự án sửa chữa đọt xuất tràn Km 69 + 101ĐT.114	Xã Huy Hạ	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	2.000,0			2.000,0

Biểu số 01 (nối tiếp)
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH THEO CÁC NGHỊ QUYẾT
CỦA HĐND TỈNH THÔNG QUA DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích điều chỉnh (m2)					So sánh	Nguyên nhân, lý do tăng diện tích thu hồi so với Nghị quyết	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
				Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
1	Đường QL 6 - Suối Lìn - Chiềng Khoa	Xã Vân Hồ; xã Chiềng Khoa	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	130.423,7	21.413,9			109.009,8	30.423,70	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thu hồi đất thực hiện dự án	220/QĐ-UBND ngày 04/9/2014; 301/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; 354/QĐ-UBND ngày 20/4/2017; 799/QĐ-UBND ngày 14/7/2017; 908/QĐ-UBND ngày 07/8/2017; 1451/QĐ-UBND ngày 23/12/2016

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích điều chỉnh (m ²)					So sánh	Nguyên nhân, lý do tăng diện tích thu hồi so với Nghị quyết	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
				Diện tích thu hồi (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
2	Dự án sắp xếp dân cư do sạt lở tại bản Tàu Dầu + Co Hó, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khùa	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	32.591,5	1.170,0	-		31.421,5	2.591,50	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thu hồi đất thực hiện dự án	598/QĐ-UBND ngày 31/5/2018
3	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tự do, rừng đặc dụng bản A Lang, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ.	Xã Tân Xuân	193/NQ-HĐND ngày 18/4/2020	41.481,0	10.452,1	-		31.028,9	1.481,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thu hồi đất thực hiện dự án	1476/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện
	Huyện Phù Yên										
4	Đường từ xã Nam Phong (bản Suối Vè) đến xã	Xã Nam Phong, Mường Bang	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	183.196,7		85.500,0		97.696,7	9.696,7	Trong quá trình thực hiện đo đạc, kiểm đếm thu hồi đất, một số thửa diện tích còn	1568A/QĐ-UBND ngày 07/8/2014

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích điều chỉnh (m2)					So sánh	Nguyên nhân, lý do tăng diện tích thu hồi so với Nghị quyết	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
				Diện tích thu hồi (m2)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
	Mường Bang (bản Hang Trùng)									lại sau thu hồi rất nhỏ (nhỏ về diện tích, nhỏ về hình thể thửa đất) khó thực hiện canh tác, sản xuất, người sử dụng đất đề nghị thu hồi hết thửa đất.	
5	Mở rộng khu đô thị. Công viên 2/9, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015; 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	78.519,3	69.948,9			8.570,4	519,3	Khi thực hiện thu hồi đất diện tích thửa đất còn lại không đảm bảo sản xuất, nên các hộ gia đình, cá nhân đề nghị thực hiện thu hồi hết thửa đất dẫn đến diện tích thu hồi thực tế phát sinh tăng so với diện tích đã được HĐND thông qua.	1298/QĐ-UBND ngày 16/6/2017; 102/QĐ-UBND ngày 24/01/2018

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích điều chỉnh (m2)					So sánh	Nguyên nhân, lý do tăng diện tích thu hồi so với Nghị quyết	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
				Diện tích thu hồi (m2)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
6	Trường phổ thông dân tộc nội trú, xã Huy Thượng	Xã Huy Thượng	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	30.018,3				30.018,3	18,3	Khi thực hiện thu hồi đất có thu hồi phần diện tích đất giao thông để phục vụ làm đường vào trường. Dẫn đến diện tích thu hồi thực tế tăng so với diện tích được HĐND tỉnh thông qua	133/QĐ-UBND ngày 24/01/2017
7	Bến xe khách huyện Phù Yên (phía Nam thị trấn)	Xã Huy Hạ	73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	10.793,1	10.565,2			227,9	393,1	Khi thực hiện thu hồi cả phần diện tích đất thuộc quy hoạch HLGT QL 37 dẫn tới diện tích thu hồi thực tế tăng so với nghị quyết HĐND tỉnh thông qua	1630/QĐ-UBND ngày 30/6/2021

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích điều chỉnh (m ²)					So sánh	Nguyên nhân, lý do tăng diện tích thu hồi so với Nghị quyết	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
				Diện tích thu hồi (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			
8	Dự án sửa chữa đột xuất trần Km 69 + 101ĐT.114	Xã Huy Hạ	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	3.603,7				3.603,7	1.603,7	Khi lập danh mục dự án đề nghị trình HĐND tỉnh chủ đầu tư chỉ căn cứ vào hồ sơ thiết kế (Không trình phần diện tích đất giao thông đã có). Tuy nhiên, khi thu hồi đất thì thực hiện thu hồi cả phần diện tích đất nền đường cũ hiện trạng dẫn diện tích thu hồi cao hơn so với diện tích được thông qua tại NQ HĐND	3453/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

Biểu số 02
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM DIỆN TÍCH THEO CÁC NGHỊ QUYẾT
CỦA HĐND TỈNH THÔNG QUA DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HĐND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
	Huyện Vân Hồ							
1	Nghĩa trang liệt sỹ huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	30000	11169,8	-18.830,20	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1449/QĐ-UBND ngày 23/12/2016
2	San ủi khu dân cư mới tại trung tâm hành chính huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	300000	16126,1	-283.873,90	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	140/QĐ-UBND ngày 03/7/2015, 105/QĐ-UBND ngày 01/2/2016, 611/QĐ-UBND ngày 04/8/2016, 681/QĐ-UBND ngày 16/8/2016
3	Đường QL6 - Lũng Xá - Pa Cốp - Tỉnh lộ 102	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	150000	72759,7	-77.240,30	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	720/QĐ-UBND ngày 30/6/2017, 1418/QĐ-UBND ngày 20/10/2017, 667/QĐ-UBND ngày 12/6/2018

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
4	Dự án sắp xếp dân cư do sạt lở tại bản un, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khùa	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	29000	16256,2	-12.743,80	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	598/QĐ-UBND ngày 31/5/2018
5	Dự án đường tái cơ cấu xã Chiềng Yên - Quang Minh	Xã Chiềng Yên, xã Quang Minh	60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	408000	170035,5	-237.964,50	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1839/QĐ-UBND ngày 16/12/2020
6	Khu khai thác dân cư đối diện trường PTDT Nội trú	Xã Vân Hồ	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	16300	2746	-13.554,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	456/QĐ-UBND ngày 24/4/2020
7	Dự án đền thờ các anh hùng liệt sỹ	Xã Vân Hồ	15/NQ-HĐND ngày 04/8/2016	30000	11169,8	-18.830,20	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1449/QĐ-UBND ngày 23/12/2016
8	Hệ thống đường nội bộ Khu trung tâm hành chính huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	235000	5367,2	-229.632,80	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	679/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND huyện; 1238/QĐ-UBND ngày 18/9/2017
9	Xây dựng, nâng cấp tuyến đường Chiềng Khoa - Mường Men	Xã Chiềng Khoa, xã Mường Men	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	12499	12498,6	-0,40	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	103/QĐ-UBND ngày 19/3/2015

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
10	Xử lý ngập úng khu vực bản Co Tàng, Co Chàm xã Lóng Luông	Xã Lóng Luông	193/NQ-HĐND ngày 18/4/2020	42000	20763,3	-21.236,70	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1476/QĐ-UBND ngày 19/9/2020, 1006/QĐ-UBND ngày 06/10/2022
11	Bãi rác thải (Vòng Vur)	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	2000	1935	-65,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	225/QĐ-UBND ngày 10/9/2014
12	Trụ sở Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	20000	4727,4	-15.272,60	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	498/QĐ-UBND ngày 30/5/2017
13	Đường QL 6 (Mới) đi trung tâm hành chính mới huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	380000	342728,5	-37.271,50	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	37/QĐ-UBND ngày 17/01/2017, 47/QĐ-UBND ngày 17/01/2019, 260/QĐ-UBND ngày 05/4/2018, 294/QĐ-UBND ngày 14/4/2017, 307/QĐ-UBND ngày 12/4/2018, 377/QĐ-UBND ngày 28/3/2019, 598/QĐ-UBND

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	Số sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
								ngày 22/7/2016, 703/QĐ-UBND ngày 22/8/2016, 784/QĐ-UBND ngày 07/9/2016, 943/QĐ-UBND ngày 05/10/2016, 996/QĐ-UBND ngày 13/10/2016, 1163/QĐ-UBND ngày 11/11/2022, 1269/QĐ-UBND ngày 21/11/2016, 178/QĐ-UBND ngày 22/2/2019, 1126/QĐ-UBND ngày 03/11/2016
14	Trung tâm y tế dự phòng	Xã Vân Hồ	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	13000	5194,7	-7.805,30	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	227/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND huyện
15	Trường Mầm non Sao Đỏ	Xã Vân Hồ	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	2300	1680	-620,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	246/QĐ-UBND ngày 12/11/2015

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	Số sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
16	Khu hành chính xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	15000	2677,9	-12.322,10	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1267/QĐ-UBND ngày 28/9/2017
17	Dự án Trụ sở xã Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa	60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	2000	992,3	-1.007,70	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	23/QĐ-UBND ngày 07/11/2022
18	Dự án Quảng trường huyện	Xã Vân Hồ	60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	15000	4957,7	-10.042,30	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1779/QĐ-UBND ngày 20/12/2017
19	Sân vận động xã Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	6000	906,1	-5.093,90	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1970/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
20	Trạm Y tế xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	7000	5565,8	-1.434,20	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	580/QĐ-UBND ngày 22/5/2020
21	Dự án xử lý ngập úng khu vực khu dân cư bản Pa Chè, xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019; 198/NQ-HĐND ngày 30/6/2020	6600	4359,1	-2.240,90	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	354/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, 1540/QĐ-UBND ngày 30/12/2021

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	Số sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
22	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	10000	8000	-2.000,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	220/QĐ-UBND ngày 14/10/2015
23	ĐA diện vùng dân tộc tại các xã	Chiềng Yên, Song Khùa, Mường Men, Tân Xuân, Xuân Nha	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	2000	1866,4	-133,60	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	250/QĐ-UBND ngày 06/10/2014, 249/QĐ-UBND ngày 06/10/2014, 204/QĐ-UBND ngày 09/9/2015
24	Xây dựng khu sản xuất tập trung theo quy hoạch trung tâm hành chính, chính trị huyện	Xã Vân Hồ	15/NQ-HĐND ngày 04/8/2016	198000	42109,4	-155.890,60	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	282/QĐ-UBND ngày 11/4/2017, 295/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 1857/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
25	Đường giao thông phục vụ di chuyển đàn bò sữa	Xã Vân Hồ	15/NQ-HĐND ngày 04/8/2016	4200	3656,3	-543,70	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	504/QĐ-UBND ngày 05/7/2016
26	Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng	Xã Vân Hồ	15/NQ-HĐND ngày 04/8/2016	72000	48949,3	-23.050,70	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	2333/QĐ-UBND ngày 29/11/2018

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	Số sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
27	Dự án Trạm trung gian 35/22kV, đường dây 35kV và các xuất tuyến 22kV	Xã Vân Hồ	131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	7800	7581,2	-218,80	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1486/QĐ-UBND ngày 29/11/2018
28	Dự án sắp xếp vùng thiên tai xã Liên Hòa	Xã Liên Hòa	131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019; 220/NQ-HĐND ngày 31/10/2020	98000	96946,5	-1.053,50	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1904/QĐ-UBND ngày 24/12/2020;; 1395/QĐ-UBND ngày 02/12/2020; 2109/QĐ-UBND ngày 27/11/2023
29	Khắc phục mưa lũ đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Xuân đến bản Nà Sàng, xã Xuân Nha	Xã Chiềng Xuân, xã Xuân Nha	193/NQ-HĐND ngày 18/4/2020	12000	785,5	-11.214,50	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1422/QĐ-UBND ngày 09/12/2021
	Huyện Phù Yên							
30	Tuyến đường giao thông và khu đô thị khu vực bản Phó	Xã Huy Bắc	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	50000	33023,4	-16976,6	Do dự án không sử dụng hết diện tích được HĐND tỉnh thông qua	216/QĐ-UBND ngày 29/1/2016; 3368/QĐ-UBND ngày 08/9/2016; 3644/QĐ-UBND ngày 20/9/2016

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
31	Dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Noong Thanh xã Huy Tân, Huy Thượng huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Huy Tân	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	62000	9530,8	-52469,2	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	2248/QĐ-UBND ngày 07/9/2015
32	Đường từ UBND xã Kim Bon đến bản Suối Kênh	Xã Kim Bon	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	18000	11533,3	-6466,7	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	3343/QĐ-UBND ngày 19/11/2015
33	Đường đi khu sản xuất Suối Nào bản Suối Dinh	Xã Suối Tọ	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	15000	10256,3	-4743,7	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	3344/QĐ-UBND ngày 19/11/2015
34	Nâng cấp đường từ Suối Bau đi Sập Xa	Xã Suối Bau, xã Sập Xa	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015; 15/NQ-HĐND ngày 05/8/2016	255580	254667,5	-912,5	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	1621/QĐ-UBND ngày 31/7/2017
35	Công trình cấp bách sửa chữa khắc phục sau mưa lũ do ảnh hưởng của cơn bão số 3 - Công trình thủy lợi Suối Sập	Xã Suối Tọ	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	30000	29946,9	-53,1	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	1162/QĐ-UBND ngày 28/6/2019
36	Mở rộng trường Tiểu học Huy Bắc	Xã Huy Bắc	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	1200	1101,4	-98,6	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	684/QĐ-UBND ngày 10/4/2019

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	HDND tỉnh đã ban hành		Diện tích cần điều chỉnh, bổ sung	So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Số, ngày tháng năm ban hành	Diện tích thu hồi				
37	Dự án TĐC cho các hộ dân để mở rộng trường Tiểu học Huy Bắc	Xã Huy Bắc	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	1300	1230,9	-69,1	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	684/QĐ-UBND ngày 10/4/2019
38	Bố trí đất cho các hộ bị thiên tai bản Suối Kê	Xã Nam Phong	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; NQ 198/NQ-HĐND ngày 30/6/2020	38000	33137,8	-4862,2	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	3551/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; 3264/QĐ-UBND ngày 18/12/2020
39	Khắc phục sạt sụt Trường phổ thông dân tộc nội trú (Trường trung học có sở và trung học phổ thông) huyện Phù Yên	Xã Huy Thượng	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	10000	7039	-2961	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	3914/QĐ-UBND ngày 25/12/2018
40	Dự án xử lý điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông Đoạn Km 401 + 4800 = Km 402 + 030 QL37, huyện Phù Yên	Xã Suối Tọ	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	6000	1976,4	-4023,6	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	3451/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
41	Khu trung tâm di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp - Khu rừng bản Nhọt, xã Gia Phù (giữ nguyên diện tích có rừng 37.300 m2)	Xã Gia Phù	212/NQ-HĐND ngày 31/7/2020	107600	20366,5	-87233,5	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	1941/QĐ-UBND ngày 06/8/2020; 3620/QĐ-UBND ngày 06/12/2021

Biểu số 03
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DIỆN TÍCH THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH
CHO PHÉP CHUYỂN MĐSD ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Diện tích điều chỉnh (m2)				So sánh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh diện tích	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép chuyển MĐSD đất	Tổng DT cho phép chuyển MĐSD đất	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Tổng diện tích điều chỉnh (m2)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
	Huyện Văn Hồ												
1	Đường QL 6 - Suối Lìn - Chiềng Khoa	Xã Văn Hồ, xã Chiềng Khoa	76 NQ-HĐND ngày 16/7/2014	6.000,00	6.000,00	-	-21.413,90	21.413,90	-	-15.413,90	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án		220/QĐ-UBND ngày 04/9/2014; 301/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; 354/QĐ-UBND ngày 20/4/2017; 799/QĐ-UBND ngày 14/7/2017; 908/QĐ-UBND ngày 07/8/2017; 1451/QĐ-UBND ngày 23/12/2016
2	Nghĩa trang liệt sỹ huyện	Xã Văn Hồ		-	-	-	955,70	955,70	-	-	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án		1449/QĐ-UBND ngày 23/12/2016

3	San ủi khu dân cư mới tại trung tâm hành chính huyện	Xã Vân Hồ				-			-	4.949,10	4.949,10	-	4.949,10	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	140/QĐ-UBND ngày 03/7/2015, 105/QĐ-UBND ngày 01/2/2016, 611/QĐ-UBND ngày 04/8/2016, 681/QĐ-UBND ngày 16/8/2016
4	Dự án sắp xếp dân cư do sạt lở tại bản un, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khùa	NQ-HĐND ngày 08/12/2017	72	4.000,00	4.000,00	-		-	4.169,00	4.169,00	-	169,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	598/QĐ-UBND ngày 31/5/2018
5	Dự án sắp xếp dân cư do sạt lở tại bản Tàu Dầu + Co Hó, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khùa			-	-			-	1.170,00	1.170,00	-	1.170,00	Bổ sung diện tích, loại đất xin chuyển mục đích sử dụng đất theo thực tế thực hiện dự án	598/QĐ-UBND ngày 31/5/2018
6	Dự án đường tái cơ cấu xã Chiềng Yên - Quang Minh	Xã Chiềng Yên, xã Quang Minh	NQ-HĐND ngày 08/12/2017	60	18.000,00	8.000,00	10.000,00			-51.875,50	64.805.1810,70	0,00	33.875,50	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	1839/QĐ-UBND ngày 16/12/20208
7	Khu khai thác dân cư đối diện trường PTDT Nội trú	Xã Vân Hồ	NQ-HĐND ngày 17/7/2019	13	1.300,00	1.300,00	-		-	2.746,00	2.746,00	-	1.446,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	456/QĐ-UBND ngày 24/4/2020
8	Dự án đền thờ các anh hùng liệt sỹ	Xã Vân Hồ			-	-			-	955,70	955,70	-	955,70	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	1449/QĐ-UBND ngày 23/12/2016

9	Hệ thống đường nội bộ Khu trung tâm hành chính huyện	Xã Vân Hồ		-		-		-	1.675,00	-	1.675,00	-	1.675,00	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	679/QĐ-UBND ngày 16/8/2016, 1238/QĐ-UBND ngày 18/9/2017
10	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tự do, rừng đặc dụng bản A Lang, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ.	Xã Tân Xuân	193 NQ-HĐND ngày 18/4/2020	7.000,00	7.000,00	-		-	-10.452,10		10.452,10	-	3.452,10	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện dự án	1476/QĐ-UBND ngày 29/9/2020
	Huyện Phù Yên														
11	Bến xe khách huyện Phù Yên (phía Nam thị trấn)	Xã Huy Hạ	72 NQ-HĐND ngày 8/12/2017	10.400,00	10.400,00				10.565,20		10.565,20		165,20	Khi thực hiện thu hồi cả phần diện tích đất thuộc quy hoạch HLGT QL 37 dẫn tới diện tích thu hồi thực tế tăng so với nghị quyết HĐND tỉnh thông qua	1630/QĐ-UBND ngày 30/6/2021

Biểu số 04

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM DIỆN TÍCH THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH
THÔNG QUA CHO PHÉP CHUYỂN MĐSD ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Diện tích điều chỉnh (m2)			So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi đất thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMBSD đất	Tổng DT cho phép chuyển MBSĐ đất	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Tổng diện tích điều chỉnh (m2)	Đất trồng lúa			
	Huyện Vân Hồ											
1	Đường QL6 - Pa Cốp - Tỉnh lộ 102	Xã Vân Hồ	111 NQ-HĐND ngày 04/12/2014	85.000,0	-	85.000,0	334,4	-		-84.665,6	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	720/QĐ-UBND ngày 30/6/2017, 1418/QĐ-UBND ngày 20/10/2017, 667/QĐ-UBND ngày 12/6/2018
2	Xây dựng, nâng cấp tuyến đường Chiềng Khoa - Mường Men	Xã Chiềng Khoa, xã Mường Men	126 NQ-HĐND ngày 08/7/2015	600,0	600,0	-	160,0	-		-440,0	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	103/QĐ-UBND ngày 19/3/2015
3	Xử lý ngập úng khu vực bản Co Tằng, Co Chàm xã Lóng Luông	Xã Lóng Luông	193 NQ-HĐND ngày 18/4/2020	5.000,0	5.000,0	-	1.503,1	-		-3.496,9	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	1476/QĐ-UBND ngày 19/9/2020, 1006/QĐ-UBND ngày 06/10/2022
4	Đường QL 6 (Mới) đi trung tâm hành chính mới huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	111 NQ-HĐND ngày 04/12/2014	25.000,0	15.000,0	10.000,0	8.955,4	-		-16.044,6	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	37/QĐ-UBND ngày 17/01/2017, 47/QĐ-UBND ngày 17/01/2019, 260/QĐ-UBND ngày 05/4/2018,

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Diện tích điều chỉnh (m2)				So sánh	Nguyên nhân, lý do giám diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMĐSD đất	Tổng DT cho phép chuyển MĐSD đất	Trong đó			Tổng diện tích điều chỉnh (m2)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ				Đất rừng đặc dụng
												294/QĐ-UBND ngày 14/4/2017, 307/QĐ-UBND ngày 12/4/2018, 377/QĐ-UBND ngày 28/3/2019, 598/QĐ-UBND ngày 22/7/2016, 703/QĐ-UBND ngày 22/8/2016, 784/QĐ-UBND ngày 07/9/2016, 943/QĐ-UBND ngày 05/10/2016, 996/QĐ-UBND ngày 13/10/2016, 1163/QĐ-UBND ngày 11/11/2022, 1269/QĐ-UBND ngày 21/11/2016, 178/QĐ-UBND ngày 22/2/2019, 1126/QĐ-UBND ngày 03/11/2016		
5	Dự án xử lý ngập úng khu vực khu dân cư bản Pa Chè, xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	198 NQ-HĐND ngày 30/6/2020	1.600,0	1.600,0	-	1.506,4	1.506,4	-	-93,6	Điều chỉnh diện tích, loại đất theo thực tế thực hiện các công trình, dự án	354/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, 1540/QĐ-UBND ngày 30/12/2021		

[illegible]

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Diện tích điều chỉnh (m2)				So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMĐSD đất	Tổng DT cho phép chuyển MĐSD đất	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Tổng diện tích điều chỉnh (m2)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
10	Đường từ xã Nam Phong (bản Suối Vè) đến xã Mường Bang (bản Hang Trùng)	Xã Nam Phong, Mường Bang	76 NQ-HĐND ngày 16/7/2014	173.500,0	-	173.500,00	-	85.500,00	-	85.500,00	-	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	1568A/QĐ-UBND ngày 07/8/2014
11	Tuyến đường giao thông và khu đô thị khu vực bản Phó	Xã Huy Bắc	126 NQ-HĐND ngày 08/7/2015	50.000,0	50.000,00	-	-	29.902,10	29.902,10	-	-	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	216/QĐ-UBND ngày 29/1/2016, 3368/QĐ-UBND ngày 08/9/2016, 3644/QĐ-UBND ngày 20/9/2016
12	Dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Noong Thanh xã Huy Tân, Huy Thượng huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Huy Thượng, Huy Tân	126 NQ-HĐND ngày 08/7/2015	3.215,0	3.215,00	-	-	1.143,60	1.143,60	-	-	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua chưa phù hợp với loại đất đã thực hiện thu hồi, chuyển mục đích	2248/QĐ-UBND ngày 07/9/2015
13	Nâng cấp đường từ Suối Bau đi Sập Xa	Xã Suối Bau, Sập Xa	15 NQ-HĐND ngày 05/8/2016	96.600,0	72.600,00	24.000,00	-	11.815,90	1.166,20	10.649,70	-	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	1621/QĐ-UBND ngày 31/7/2017

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Diện tích điều chỉnh (m2)				So sánh	Nguyên nhân, lý do giảm diện tích thu hồi thực hiện dự án	Quyết định thu hồi đất của UBND huyện
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMĐSD đất	Tổng DT cho phép chuyển MĐSD đất	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Tổng diện tích điều chỉnh (m2)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
14	Mở rộng khu đô thị. Công viên 2/9, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	137 NQ-HĐND ngày 10/12/2015; 72 NQ-HĐND ngày 8/12/2017	70.000,0	70.000,00	-		69.948,90	69.948,90	-	-	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua	1298/QĐ-UBND ngày 16/6/2017, 102/QĐ-UBND ngày 24/01/2018
15	Khu trung tâm di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp - Khu rừng bản Nhọt, xã Gia Phú (giữ nguyên diện tích có rừng 37.300 m ²)	Xã Gia Phú	212 NQ-HĐND ngày 31/7/2020	62.700,0	-	62.700,00		18.727,60	-	18.727,60	-	Do dự án không sử dụng hết diện tích, loại đất được HĐND tỉnh thông qua chưa phù hợp với loại đất đã thực hiện thu hồi.	1941/QĐ-UBND ngày 06/8/2020, 3620/QĐ-UBND ngày 06/12/2021

Biểu số 05
DANH MỤC HỦY BỎ DỰ ÁN ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA THU HỒI ĐẤT (DỰ ÁN KHÔNG THỰC HIỆN)
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m2)	Phân theo các loại đất			Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
1	Dự án khai thác khu dân cư Lũng Ồi	xã Văn Hồ	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	70.000			70.000	Dự án quá 03 năm không thực hiện

Biểu số 06
DANH MỤC HỦY BỎ DỰ ÁN ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA THU HỒI ĐẤT (DỰ ÁN KHÔNG THU HỒI ĐẤT)
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m2)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
1	Xử lý nước thải Trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	20.000,0	-	-		20.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	9.000,0	-	-		9.000,0	Không thu hồi đất, đất trên đất trường học cũ
3	Hệ thống xử lý chất thải huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	160.000,0	-	-		160.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
4	Dự án điện hạ thế một số khu vực Khu trung tâm hành chính huyện.	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	3.000,0	-	-		3.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
5	Nhà văn hoá thiếu nhi	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	10.000,0	-	-		10.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
6	Chợ trung tâm huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	15.000,0	-	-		15.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
7	Trung tâm Thể dục - Thể thao huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	45.000,0	-	-		45.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
8	Trụ sở Đài truyền thanh - Truyền hình huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	15.000,0	-	-		15.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
9	Bến xe	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	30.000,0				30.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
10	Đường tỉnh lộ 102 đi bản Pù Lầu (Xuân Nha)	Xã Xuân Nha	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	50.000,0	-	25.000,0		25.000,0	Các hộ dân tự nguyện hiến đất làm đường
11	Đường Quang Minh - Mường Tè	Xã Quang Minh, xã Mường Tè	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	150.000,0	10.000,0	-		140.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ
12	Cấp nước sinh hoạt TT hành chính huyện	Xã Vân Hồ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	20.000,0	10.000,0	-		10.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
13	Chống quá tải Trạm biến áp Vườn Đào + Chiềng Đi 2, huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100,0				100,0	Các hộ dân hiến đất
14	Dự án trường PTDT Nội trú	Xã Vân Hồ	60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	5.000,0				5.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m2)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
15	Dự án thu hút đầu tư tại xã Xuân Nha (Công ty CP Minh Thủy)	Xã Xuân Nha	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	2.000.000,0	-	-		2.000.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
16	Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông) khu cấp đất bổ sung cấp đất cho công an, quân đội	Xã Vân Hồ	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	20.000,0				20.000,0	Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
17	Cầu cứng qua suối bản Tin Tóc	Xã Chiềng Khoa	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	200,0	-	-		200	Các hộ dân tự nguyện hiến đất
18	Trạm y tế xã Tân Xuân	Xã Tân Xuân	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	3.000,0				3.000	Các hộ dân tự nguyện hiến đất
19	Nhà làm việc ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha	Xã Xuân Nha	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	1.661,0				1.661	Dự án nằm trong phạm vi đất của Ban quản lý rừng đặc dụng
20	Dự án hỗ trợ bảo tồn làng nghề truyền thống bản Dao, bản Suối Lìn, xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	20.000,0				20.000	Xây dựng nhà văn hóa trên đất của Nhà văn hóa cũ của bản Suối Lìn
21	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 43 đến bản Phú Khoa	Xã Chiềng Khoa	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	20.000,0				20.000	Dự án nằm trên nền đường cũ
22	Nâng cấp đường từ bản Un đến bản Khà Nhài	Xã Mường Men, Song Khùa	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	15.000,0				15.000	Dự án nằm trên nền đường cũ

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
23	Cầu trần bản Nậm Rén	Xã Chiềng Xuân	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	250,0				250	Đã thực hiện xong, vận động các hộ dân hiến đất làm đường
24	Đường vào bản Sa Lai	Xã Chiềng Xuân	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	14.000,0				14.000	Dự án nằm trên nền đường cũ
25	Cầu treo bản Nà Chá, Nà Tén	Xã Chiềng Khoa	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	400,0				400	Đã thực hiện xong, vận động các hộ dân hiến đất làm công trình
26	Hệ thống cấp nước ngoài hành lang hàng rào nhà máy chế biến hoa quả và đồ uống hoa quả công nghệ cao Sơn La	Xã Lóng Luông	193/NQ-HĐND ngày 18/4/2020	5.000,0	-	-		5.000,0	Các hộ dân tự nguyện hiến đất
	Huyện Phù Yên								
27	Đường giao thông từ xã Tân Phong (Bản Bông) đến xã Nam Phong (bản suối Kê và suối Vê) huyện Phù Yên	Xã Tân Phong, Nam Phong	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	175.200,0		175.200,0			Thực hiện trên nền đường cũ; Nhân dân hiến đất.
28	Đường giao thông nông thôn bản Đung - bản Khên, xã Mường Lang huyện Phù Yên	Xã Mường Lang	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	150.000,0		150.000,0			Thực hiện trên nền đường cũ

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
29	Đường từ Bản Suối Pai xã Huy Tường đến bản Páp xã Mường Do	Xã Huy Tường Mường Lang	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	100.000,0		40.000,0		60.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất
30	Đường giao thông liên bản Do - bản Bải, bản Lươn, xã Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Mường Do	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	210.000,0		210.000,0			Thực hiện trên nền đường cũ; Nhân dân hiến đất.
31	Đường vào khu sản xuất bản Sáy Tú, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	40.000,0	20.000,0	20.000,0			Thực hiện trên nền đường cũ; Nhân dân hiến đất.
32	Đường giao thông liên thôn liên bản xã Tường Phong	Xã Tường Phong	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	13.200,0				13.200,0	Thực hiện trên nền đường cũ; Nhân dân hiến đất.
33	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Huy Tân	Xã Huy Tân	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	3.100,0				3.100,0	Nhân dân hiến đất, đất cộng đồng bản.
34	Nhà văn hóa bản công Trời, xã Huy Tường	Xã Huy Tường	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100,0		100,0			Xây dựng trên nền dự án khác (Điểm TĐC Công trời)
35	Lớp học mầm non bản Công Trời, xã Huy Tường	Xã Huy Tường	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100,0		100,0			Xây dựng trên nền dự án khác (Điểm TĐC Công trời)
36	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tường Tiến	Xã Tường Tiến	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	5.000,0				5.000,0	Đất cộng đồng bản (đất rừng trồng)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
37	NVH bản Bản Sòn, bản Khảo xã Tường Hạ	Xã Tường Hạ	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	200,0				200,0	Thực hiện trên nền đất cũ
38	Nhà văn hóa bản Suối Cù, xã Huy Tân	Xã Huy Tân	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100,0				100,0	Nhân dân hiến đất
39	Trường mầm non bản Hua Nà, xã Tường Tiến	Xã Tường Tiến	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	200,0				200,0	Nhân dân hiến đất
40	Chống quá tải các Trạm biến áp Bàn Sọc; TBA Huy Bắc và TBA Bàn Giáo, huyện Phù Yên	Xã Mường Bang, Huy Bắc, Huy Tân	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	460,0	100,0			360,0	Thực hiện trên nền đất cũ
41	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tường Phong	Xã Tường Phong	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	3.000,0				3.000,0	Thực hiện trên nền đất cũ; nhân dân hiến đất
42	Chống quá tải Trạm biến áp cầu Đường, Thị trấn Phù Yên	Thị trấn Phù Yên	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	60,0				60,0	Thực hiện trên nền đất cũ
43	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Huy Tường	Xã Huy Tường	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	6.000,0	3.000,0			3.000,0	Nhân dân hiến đất
44	Đường vào khu sản xuất bản Núi Hồng, xã Huy Thượng	Xã Huy Thượng	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	32.000,0				32.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất
45	Đường vào khu sản xuất bản Suối Cù, xã Huy Tân	Xã Huy Tân	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	16.000,0				16.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
46	Đường vào khu sản xuất bản Vàng A+Vàng B, xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	60.000,0				60.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất
47	Đường vào khu sản xuất bản Suối Tiếu, xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	18.000,0				18.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất
48	NCSC đường LTLB Khoai Lang - Khe Lành, xã Mường Thái	Xã Mường Thái	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	25.000,0				25.000,0	Nâng cấp trên nền đường cũ
49	NCSC đường LTLB Ràn A - Kim Bon	Xã Kim Bon	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	25.000,0				25.000,0	Nâng cấp trên nền đường cũ
50	NCSC đường LTLB Chèo A - Chèo B, xã Suối Bau	Xã Suối Bau	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	20.000,0				20.000,0	Nâng cấp trên nền đường cũ; Đất cộng đồng bản, hiến đất
51	Đường vào khu sản xuất Đá Mài 1,2,3, xã Nam Phong	Xã Nam Phong	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	60.000,0				60.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất
52	Đất ở bản Pu Khăm, xã Quang Huy	Xã Quang Huy	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	28.000,0				28.000,0	Đất của Công ty TNHH nhà nước MTV lâm nghiệp Phù Yên
53	Đất ở bản Suối Quốc, xã Mường Thái	Xã Mường Thái	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	9.000,0				9.000,0	Đất cộng đồng bản (đất rừng)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
54	Trường mầm non trung tâm xã Gia Phú	Xã Gia Phú	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	5.000,0				5.000,0	Thực hiện trên nền đất đã có mặt bằng, tự nguyên trả lại đất
55	Lớp học mầm non bán Đồng Mã xã Tân Phong	Xã Tân Phong	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	400,0				400,0	Nhân dân hiến đất
56	Lớp học mầm non bán Liếm xã Tân Phong	Xã Tân Phong	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	400,0				400,0	Nhân dân hiến đất
57	Nhà văn hóa bán Đá Phở xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	500,0				500,0	Thực hiện trên nền đất cũ
58	Nhà văn hóa bán Bông 2, xã Tân Phong	Xã Tân Phong	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	400,0				400,0	Nhân dân hiến đất
59	Nhà văn hóa bán Pắc Bê, xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	500,0				500,0	Thực hiện trên nền đất cũ
60	Nhà văn hóa bán Tọ, xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ	138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	500,0				500,0	Đất công đồng bản
61	Xây dựng trạm thu phát sóng truyền hình VOV, xã Quang Huy	Xã Quang Huy	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	500,0				500,0	Đất của Công ty TNHH nhà nước MTV lâm nghiệp Phù yên
62	Xây dựng trụ sở xã Sập Xa	Xã Sập Xa	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000,0	5.000,0				Nhân dân hiến đất

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m2)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
63	Trường mầm non Tân Lang	Xã Tân Lang	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	2.000,0				2.000,0	Thực hiện trên nền đất cũ
64	Trường mầm non bản Nà Phái (mở rộng), xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	2.000,0				2.000,0	Thực hiện trên đất 5%
65	Trường mầm non Sập Xa	Xã Sập Xa	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000,0				5.000,0	Nhân dân hiến đất
66	Trường tiểu học Sập Xa	Xã Sập Xa	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000,0				5.000,0	Nhân dân hiến đất
67	Xây dựng trạm y tế xã Nam Phong	Xã Nam Phong	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	2.507,0				2.507,0	Thực hiện trên nền đất (trụ sở UBND cũ)
68	DA Hệ thống thủy lợi cụm Xã Tường Phù - Tường Thượng - Gia Phù	Xã Tường Phù, Tường Thượng, Gia Phù	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	20.000,0	8.000,0			12.000,0	Thực hiện trên tuyến thủy lợi cũ, nhân dân hiến đất
69	Nâng cấp, mở rộng đường từ bản Nà Xá-bán Gióng, xã Quang Huy	Từ Bản Nà, Quang Lang	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	19.000,0				19.000,0	Thực hiện trên nền đường cũ, nhân dân hiến đất
70	Nâng cấp, sửa chữa đường LTLB Khoai Lang, Khe Lành, xã Mường Thái	Xã Mường Thái	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	25.000,0				25.000,0	Trùng thông qua tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
71	Xây dựng cầu cứng bản Tọ, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	100,0	100,0				Đất cộng đồng bản
72	Thủy lợi bản Trò, xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	9.100,0	100,0			9.000,0	Thực hiện trên tuyến thủy lợi cũ
73	Đất ở bản Suối Quốc (do có nguy cơ sạt lở đất), xã Mường Thái	Xã Mường Thái	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	15.000,0				15.000,0	Trùng thông qua tại Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015
74	Đất ở cho các hộ bị thu hồi đất để mở rộng trường tiểu học Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	1.200,0				1.200,0	Trùng thông qua tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 và thực hiện năm 2019.
75	Sân TT bản Suối Quốc, xã Mường Thái	Xã Mường Thái	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	3.000,0				3.000,0	Đất cộng đồng bản
76	Sân thể thao TT xã (bản Nà Phái), xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	4.000,0				4.000,0	Thực hiện trên đất 5% của xã
77	Sân vận động xã Huy Hạ	Xã Huy Hạ	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	4.100,0				4.100,0	Thực hiện trên đất 5% của xã
78	Sân thể thao bản Tọ Thượng, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	4.000,0				4.000,0	Thực hiện trên đất 5% của xã

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m2)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
79	Nhà văn hóa bản Nguồn, bản Kẽm, xã Mường Lang	Xã Mường Lang	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	1.000,0				1.000,0	Đất công đồng bản
80	Nhà văn hóa bản Suối Gà, xã Mường Bang	Xã Mường Bang	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	500,0				500,0	Xây dựng trên nền đất của trường học cũ
81	Nhà văn hóa các bản: Nà Lò 3, Nà Liu 1, Đồng Cù, Bó 1, Bó 2, bản Xường Đường, xã Huy Hạ	Xã Huy Hạ	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	2.500,0	2.000,0			500,0	Nhân dân hiến đất
82	Nhà văn hóa xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000,0				5.000,0	Thực hiện trên đất 5% của xã
83	Nhà văn hóa bản Suối Nhúng, xã Huy Tường	Xã Huy Tường	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	500,0				500,0	Đất công đồng bản
84	Nhà văn hóa các bản: Mò 2, Cang, Suối Ó, Bó Hóc, Búc, Chiềng Trung, xã Quang Huy	Xã Quang Huy	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	3.000,0	1.000,0			2.000,0	(NVH bản Suối Ó, bản Búc, bản Chiềng Trung đã được hủy bỏ tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 17/7/2019); Bản Bó Hóc chưa thực hiện; Bản Cang thực hiện trên nền đất cũ;

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
									Bản Bức lấy vào đất NTS đất 5% của xã)
85	Nhà văn hóa bản Đông 1, Đông 2, xã Tường Phù	Xã Tường Phù	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	400,0				400,0	Đất công đồng bản
86	Nhà văn hóa bản Thon 1, xã Tường Thượng	Xã Tường Thượng	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	500,0				500,0	Nhân dân hiến đất
87	Khu đô thị Đồng Đa, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	20.000,0	20.000,0				Trùng vị trí dự án KĐT Bản Phố
88	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	3.000,0				3.000,0	Thực hiện trên đất 5% của xã
89	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nam Phong+ NVH xã	Xã Nam Phong	số 73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	2.300,0				2.300,0	Nhân dân hiến đất
90	Nâng cấp đường giao thông liên xã Quang Huy-Huy Tân	Xã Quang Huy, Huy Tân	73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	1.246,0	386,0			860,0	Thực hiện trên nền đất cũ
91	Đường nội thị khu Đồng Đa, thị trấn Phù Yên	Xã Huy Hạ	73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	26.000,0	26.000,0				Nằm trong dự án Khu đô thị Đồng Đa
92	Đường giao thông từ Đồng Đa đến Công viên 18/10	Xã Huy Hạ, Thị trấn, Quang Huy	73/NQ-HĐND ngày 8/12/2017	30.000,0	30.000,0				Thực hiện trong mặt bằng của dự án khác

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
93	Xây dựng mới Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học tại trường PTDTBT-THCS xã Mường Bang	Xã Mường Bang	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	814,0				814,0	Thực hiện trong khuôn viên trường
94	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Bang	Xã Mường Bang	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	5.000,0				5.000,0	Nhân dân hiến đất
95	Nhà văn hóa bản Xã 1, Huy Hạ	Xã Huy hạ	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	1.000,0	1.000,0				Nhân dân hiến đất
96	Nhà văn hóa bản Văn Tân, Mường Cơi	Xã Mường Cơi	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	1.500,0				1.500,0	Nhân dân hiến đất
97	Nhà văn hóa bản Kẽm	Xã Mường Lang	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	500,0	500,0				Trùng dự án (Diện tích đã có được thông qua tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016)
98	Nhà văn hóa bản Mo Nghè I	Xã Quang Huy	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	500,0	500,0				Nhân dân hiến đất
99	Nhà làm việc BQL rừng đặc dụng Tà Xùa và các công trình phụ trợ tại Mường Thái	Xã Mường Thái	131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	5.000,0			5.000,0		Đã cấp Giấy chứng nhận cho BQL rừng đặc dụng Tà Xùa
100	Nhà văn hóa bản Tang Lang, Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	400,0				400,0	Nhân dân hiến đất

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
101	Lớp học Mầm non bản Lao	Xã Mường Bang	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	500,0				500,0	Nhân dân hiến đất
102	NVH bản Bèo	Xã Tường Phong	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	1.400,0				1.400,0	Thực hiện trên nền đất (trường học cũ)
103	NVH bản Hạ Lương	Xã Tường Phong	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	500,0				500,0	Nhân dân hiến đất
104	Lớp học Mầm non bản Văm	Xã Tường Phong	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	1.000,0				1.000,0	Đất cộng đồng bản
105	NVH bản Văm	Xã Tường Phong	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	1.000,0				1.000,0	Nhân dân hiến đất
106	NVH bản Suối Pa	Xã Kim Bon	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	400,0				400,0	Nhân dân hiến đất
107	NVH bản Suối Bương	Xã Kim Bon	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	400,0				400,0	Nhân dân hiến đất
108	NVH xã Mường Do	Xã Mường Do	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	300,0				300,0	Đất cộng đồng bản
109	NVH bản Bùa Chung 1	Xã Tường Phù	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	300,0				300,0	Đất cộng đồng bản
110	NVH bản Bùa Chung 2	Xã Tường Phù	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	300,0				300,0	Đất cộng đồng bản

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m2)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
111	Trạm y tế xã Mường bang	Xã Mường Bang	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	1.500,0				1.500,0	Thực hiện trên nền đã có mặt bằng (đất trạm truyền hình cũ)
112	Xây dựng nhà máy thủy điện Hồng Ngài và đường dây 110 KV từ nhà máy đến xã Tường Phù	Xã Suối Bau, Xã Sập Xa, Tường Phù, Gia Phú	158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	30.000,0	400,0			29.600,0	Chủ đầu tư dự án chưa có văn bản đề nghị trình UBND huyện thu hồi
113	Điểm TĐC xen ghép Mố Sách xã Nam Phong	Xã Nam Phong	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	56.000,0				56.000,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2013
114	Đường vào khu sx Suối Háng bản Chí Nhù, xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	8.000,0				8.000,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
115	Đường vào khu sản xuất bản Phiêng Lương, xã Sập Xa	Xã Sập Xa	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	9.500,0				9.500,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
116	Đường vào khu sản xuất bản Giàng, xã Sập Xa	Xã Sập Xa	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	10.500,0				10.500,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
117	Xây dựng đình Chu xã Quang Huy, huyện Phù Yên	Xã Quang Huy	112/NQ-HDND ngày 04/12/2014	10.000,0				10.000,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
118	Nhà cụm trực điện xã Mường Do, huyện Phù Yên	Xã Mường Do	112/NQ-HDND ngày 04/12/2014	979,0				979,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
119	Đường vào khu sản xuất Suối Hang bản Cống xã Huy Tường	Xã Huy Tường	112/NQ-HDND ngày 04/12/2014	11.000,0	500,0			10.500,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
120	Cung cấp điện lưới quốc gia cho đồng bào dân tộc tỉnh Sơn La (khu vực các xã Mường Thái, Mường Cối, Tân Lang, Mường Do, huyện Phù Yên)	Xã Mường Thái, Mường Cối, Tân Lang, Mường Do	112/NQ-HDND ngày 04/12/2014	635,0	110,0			525,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
121	Chợ trung tâm Gia Phù, Phù Yên	Xã Gia Phù	112/NQ-HDND ngày 04/12/2014	3.200,0	3.200,0				Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2012
122	Đường vào hồ truyền thống Noong Bua - Quang Huy, Phù Yên	Xã Quang Huy	112/NQ-HDND ngày 04/12/2014	5.000,0	5.000,0				Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2011

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Phân theo các loại đất				Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	
123	Đường đô thị từ QL 37 (tứ trường Mầm non Hoa Hồng đến nhà máy Giấy Ngọc Hà)	Xã Quang Huy	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	5.000,0	5.000,0				Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2011
124	Đường từ bản Mo Nghè - TT xã Quang Huy	Xã Quang Huy	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	42.400,0	28.600,0			13.800,0	Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2011
125	Trụ sở Thị trấn huyện Phù Yên	Huyện Phù Yên	112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	4.000,0	4.000,0				Thực hiện trong phạm vi mặt bằng dự án mở rộng thị trấn
126	Khu tái định cư bản Giáo 1 (đất ở) xã Huy Tân	Xã Huy Tân	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	9.800,0	9.800,0				Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2009
127	TĐC bản Puoi 3 (đất ở) xã Huy Tân	Xã Huy Tân	125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	4.800,0	4.800,0				Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2009
128	Khu đô thị 18/10, xã Quang Huy	Xã Quang Huy	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000,0	5.000,0				Thực hiện trong phạm vi thuộc dự án Khu dân cư hồ truyền thống Quang Huy

Biểu số 07
DANH MỤC HỦY BỎ DỰ ÁN HĐND TỈNH CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (DỰ ÁN KHÔNG THỰC HIỆN)
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích thực hiện dự án (m2)	Trong đó		Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
1	Mỏ cát Trại 8, tiểu khu Vườn Đào, xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	2.000	2.000	-	Dự án quá 03 năm không thực hiện
2	Dự án khai thác than của Công ty khai thác than Cty CPNS Sơn La	Xã Suối Bàng	32/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	15.000	-	15.000	Dự án quá 03 năm không thực hiện
3	Dự án khu dân cư đối diện trường tiểu học Sao Đỏ để đầu giá quyền sử dụng đất	Xã Vân Hồ	60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	50.000	-	50.000	Dự án quá 03 năm không thực hiện

Biểu số 08
DANH MỤC HỦY BỎ DỰ ÁN HĐND TỈNH CHO PHÉP
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (DỰ ÁN KHÔNG CHUYỂN MĐSD ĐẤT)
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích thực hiện dự án (m2)	Trong đó		Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa				
	Huyện Văn Hồ								
1	Đường tỉnh lộ 102 đi bản Pù Lầu (Xuân Nha)	Xã Xuân Nha	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	25.000	-	25.000			Các hộ dân tự nguyện hiến đất
2	Đường Quang Minh - Mường Tè	Xã Mường Tè	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	10.000	10.000	-			Các hộ dân tự nguyện hiến đất
3	Cấp nước sinh hoạt TT hành chính huyện	Xã Văn Hồ	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	10.000	10.000	-			Thực hiện trên diện tích do thu hồi dự án khác
	Huyện Phù Yên								
4	Đường giao thông từ xã Tân Phong (bản Bông) đến xã Nam Phong (Bản suối Kê và suối Vẽ) huyện Phù Yên	Xã Tân Phong, xã Nam Phong	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	175.200	-	175.200		-	Thực hiện trên nền đường cũ; Nhân dân hiến đất.
5	Đường giao thông nông thôn bản Đung - bản Khén, xã Mường Lang huyện Phù Yên	Xã Mường Lang	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	150.000	-	150.000		-	Thực hiện trên nền đường cũ
6	Đường vào khu sản xuất bản Sáy Tú, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	40.000	20.000	20.000		-	Thực hiện trên nền đường cũ; Nhân dân hiến đất.

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích thực hiện dự án (m2)	Trong đó			Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
7	Nhà văn hóa bán công Trời, xã Huy Tường	Xã Huy Tường	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100	-	100	-	Xây dựng trên nền dự án khác (Điểm TĐC Công trời)
8	Lớp học mầm non bán Công Trời, xã Huy Tường	Xã Huy Tường	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100	-	100	-	Xây dựng trên nền dự án khác (Điểm TĐC Công trời)
9	Chống quá tải các Trạm biến áp Bản Sọc; TBA Huy Bắc và TBA Bản Giáo, huyện Phù Yên	Xã Mường Bang, xã Huy Bắc, xã Huy Tân	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	100	100	-	-	Thực hiện trên nền đất cũ
10	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Huy Tường	Xã Huy Tường	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	3.000	3.000	-	-	Nhân dân hiến đất
11	Trường mầm non Sập Xa	Xã Sập Xa	32/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000	5.000	-	-	Nhân dân hiến đất
12	Trường tiểu học Sập Xa	Xã Sập Xa	32/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	5.000	5.000	-	-	Nhân dân hiến đất
13	DA Hệ thống thủy lợi cụm Xã Tường Phù - Tường Thượng - Gia Phù	Xã Tường Phù, Tường Thượng, Gia Phù	32/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	8.000	8.000	-	-	Thực hiện trên tuyến thủy lợi cũ, nhân dân hiến đất
14	Nhà văn hóa bán Xã 1, Huy Hạ	Xã Huy Hạ	109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	1.000	1.000	-	-	Nhân dân hiến đất
15	Nhà văn hóa bán Kẽm	Xã Mường Lang	109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	500	500	-	-	Trùng dự án

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích thực hiện dự án (m2)	Trong đó			Nguyên nhân, lý do hủy bỏ
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
16	Nhà văn hóa bán Mo Nghè I	Xã Quang Huy	109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	500	500	-	-	Nhân dân hiến đất
17	Nhà làm việc BQL rừng đặc dụng Tà Xùa và các công trình phụ trợ tại Mường Thái	Xã Mường Thái	132/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	5.000	-	-	5.000	Đã cấp Giấy chứng nhận cho BQL rừng đặc dụng Tà Xùa
18	Xây dựng nhà máy thủy điện Hồng Ngài và đường dây 110 KV từ nhà máy đến xã Mường Phù	Xã Suối Bàu, Sập Xa, Tường Phù, Gia Phú	159/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	-	-	-	-	Chủ đầu tư dự án chưa có văn bản đề nghị tỉnh UBND huyện thu hồi, CME
19	Đường vào khu sản xuất suối Hang, bản Cóng xã Huy Tường	Xã Huy Tường	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	500	500	-	-	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
20	Cung cấp điện lưới quốc gia cho đồng bào dân tộc tỉnh Sơn La (khu vực các xã Mường Thái, Mường Cơi, Tân Lang, Mường Do, huyện Phù Yên)	Xã Mường Thái, Mường Cơi, Tân Lang, Mường Do	111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014	110	110	-	-	Thực hiện trên diện tích đã GPMB trước ngày 1/7/2014
21	Dự án san nền khu chợ thực phẩm tươi sống + lò giết mổ gia súc huyện Phù Yên	Xã Huy Bắc	76/NQ-HĐND ngày 16/7/2014	11.200	11.200	-	-	Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2012
22	Khu tái định cư bản Giáo 1 (đất ở) xã Huy Tân	Xã Huy Tân	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	9.800	9.800	-	-	Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2009
23	TĐC bản Pười 3 (đất ở) xã Huy Tân	Xã Huy Tân	126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015	4.800	4.800	-	-	Thực hiện trên diện tích đã GPMB năm 2009

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 385/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác để thực hiện các dự án xây dựng
đường giao thông trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt 3) năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị
định số 91/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ
về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển mục đích
sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án cấp thiết phục vụ phát
triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 657/BC-DT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ban Dân tộc của
HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục
đích khác để thực hiện các dự án xây dựng đường giao thông trên địa bàn tỉnh Sơn
La (đợt 3) năm 2024, cụ thể:

1. Dự án Đường tỉnh 107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến địa phận xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 18,87 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Diện tích có rừng thuộc 4 tiểu khu (5, 10, 15, 8a), 11 khoảnh và 73 lô tác nghiệp thuộc địa phận xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

c) Chức năng: Tổng diện tích là 18,87 ha trong đó: Rừng phòng hộ 9,88 ha; Rừng sản xuất là 4,99 ha; Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp 4,0 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên (Thứ sinh phục hồi sau nương rẫy, khai thác kiệt) 18,87 ha.

2. Dự án Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 1,6 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Thuộc 3 tiểu khu (975, 976, 985), 5 khoảnh và 25 lô tác nghiệp, thuộc địa phận Chiềng Khừa và xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

c) Chức năng: Rừng phòng hộ 0,14 ha; rừng sản xuất 1,31 ha; rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp 0,15 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên phục hồi (Thứ sinh phục hồi sau nương rẫy, khai thác kiệt) 1,6 ha.

3. Dự án Đường giao thông từ bản Hua Chiến xã Chiềng Muôn đến Đập thủy điện Nậm Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La tỉnh Sơn La

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 4,81 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Thuộc 4 tiểu khu (102, 102a, 126, 140), 4 khoảnh, 18 lô tác nghiệp, thuộc địa phận xã Chiềng Muôn và xã Nậm Pấm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

c) Chức năng: Rừng đặc dụng (phân khu phục hồi sinh thái) là 0,35 ha; rừng phòng hộ là 2,15 ha; rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (MĐK) là 2,31 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên phục hồi (Thứ sinh phục hồi sau nương rẫy, khai thác kiệt) 4,81 ha.

4. Dự án Đường giao thông từ bản Lúa đến bản Pá Hát, xã Pi Toong, huyện Mường La tỉnh Sơn La

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 2,97 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Thuộc 2 tiểu khu (116, 119a), 2 khoảnh, 07 lô tác nghiệp, thuộc địa phận xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

c) Chức năng: Rừng phòng hộ là 0,24 ha; rừng sản xuất là 0,47 ha; rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (MĐK) là 2,26 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên phục hồi (*Thứ sinh phục hồi sau nương rẫy*) 2,97 ha.

5. Dự án Đường giao thông từ bản Mạo đến bản Nong Hùn, xã Chiềng Công, huyện Mường La tỉnh Sơn La

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 0,14 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Thuộc 1 tiểu khu (182a), 1 khoảnh, 1 lô tác nghiệp, thuộc địa phận xã Chiềng Công, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

c) Chức năng: Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (MĐK) là 0,14 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên phục hồi (*Thứ sinh phục hồi sau nương rẫy*) 0,14 ha.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 23 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

BIỂU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI RỪNG ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG
ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH(ĐỢT 3) NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
I	Đường tỉnh 107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến địa phận xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)		4	11	73	18,87				
1		Huyện Quỳnh Nhai	4	11	73	18,87				
1.1		Xã Chiềng Khay	4	11	73	18,87				
			10	3	7	0,2	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			10	3	10	0,37	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			5	2	1	0,02	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	7	0,29	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			8a	2	6	0,08	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			15	5	1	0,06	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			15	5	3	0,14	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			15	8	18	0,03	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	8	0,16	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			8a	1	9	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			5	2	10	0,16	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	1	4	0,13	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
			10	3	2	0,13	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNL	
			5	2	11	0,44	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	12	0,63	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	1	16	0,21	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	5	3	0,71	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	14	0,54	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			8a	4	1	0,26	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNL	
			8a	2	13	0,29	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	15	0,22	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	16	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	17	0,05	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	18	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	19	0,07	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	20	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	21	0,03	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	22	0,21	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	23	0,04	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	24	0,7	TXK	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			10	3	4	0,01	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNL	

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
			8a	1	10	0,31	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	25	0,15	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	1	19	0,14	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			5	1	5	0,4	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			15	8	11	0,07	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			15	8	13	0,14	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	26	0,32	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	27	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			8a	1	6	1,05	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			10	3	3	0,03	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	5	4	0,04	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			15	10	2	0,3	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	28	0,25	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	29	1,22	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	30	0,48	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	31	0,37	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			15	5	7	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			8a	4	4	0,1	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	5	2	0,46	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
			10	3	1	0,88	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	32	0,45	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	33	0,13	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			10	3	5	0,26	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			5	2	34	0,03	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	35	0,03	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	36	0,08	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			15	8	15	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	37	0,36	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	5	5	0,09	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	2	38	0,2	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			10	3	6	0,21	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			10	3	9	1,71	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			10	3	8	0,06	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	5	1	0,29	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	5	6	0,28	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			5	1	1	0,72	TXX	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	1	2	0,07	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	39	0,08	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
			5	2	40	0,23	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			5	2	41	0,22	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			15	11	5	0,05	TXDP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			8a	2	41	0,15	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
II	Đường giao thông liên		3	5	25	1,60				
1	xã Bản Khừa - Suối	Huyện Mộc Châu	3	5	25	1,60				
1.1	Đon, xã Chiềng Khừa	Xã Lóng Sập	2	3	23	1,53				
	đến bản Pha Đón, A		985	7	12	0,04	HG2	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
	Má xã Lóng Sập,		985	7	18	0,02	HG1	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
	huyện Mộc Châu		985	7	15	0,17	HG1	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	7	13	0,1	HG2	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	7	11	0,15	HG2	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	7	17	0,2	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	1	5	0,02	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	1	8	0,01	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	1	19	0,05	HG1	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	1	11	0,18	TXN	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			985	1	23	0,06	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			976	10	7	0,06	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộDN	

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
			140	1	5	0,51	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			140	1	2	0,02	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			140	1	3	0,04	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			126	1	2	0,19	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			126	1	4	0,02	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			140	1	8	0,67	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			140	1	10	0,02	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			126	1	3	0,19	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			102a	3b	1	0,1	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			140	1	7	1,03	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			140	1	1	0,12	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			140	1	6	0,71	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			126	1	6	0,26	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
			126	1	7	0,45	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHNLN	
1.2		Xã Nậm Pấm	1	1	2	0,35		Rừng tự nhiên		
			102	3a	1	0,33	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng đặc dụng	Khu phục hồi sinh thái
			102	3a	3	0,02	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng đặc dụng	Khu phục hồi sinh thái

STT	Tên dự án	Địa Điểm	Tiểu Khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện Trạng	Loại Rừng	Chức Năng Rừng	Ghi chú
IV	Đường từ bản Lúa đến bản Pa Hát, xã Pi Toong, huyện Mường La		2	2	7	2,97				
1		Huyện Mường La	2	2	7	2,97				
1.1		Xã Pi Toong	2	2	7	2,97				
			116	6	2	0,11	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			119a	1	10	0,27	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			116	6	3	0,13	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	
			119a	1	9	0,2	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	
			116	6	5	0,32	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHLN	
			116	6	1	0,28	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHLN	
			119a	1	5	1,66	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHLN	
V	Đường từ bản Mạo đến bản Nong Hùn, xã Chiềng Công, huyện Mường La		1	1	1	0,14				
1		Huyện Mường La	1	1	1	0,14				
1.1		Xã Chiềng Công	1	1	1	0,14				
			182a	2	5.2	0,14	TXP	Rừng tự nhiên	Rừng ngoài QHLN	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com